

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày 09-4-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Đình Bảng

Ông Phạm Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 255/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 19xx; nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Nông trường Q, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Ông Hoàng Văn H, sinh năm 19xx; nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Nông trường Q, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông Hoàng Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng ngày 08-7-19xx. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mặt khác, do ông H nghiện rượu nên thường xuyên chửi bới, xúc phạm vợ con. Mâu

thuần vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không đạt kết quả, vợ chồng sống ly thân từ tháng 06-2018 đến nay và không quan tâm đến nhau. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 03 con chung là Hoàng Thị Th, sinh ngày 09-9-19xx; Hoàng Thị Huệ A, sinh ngày 13-6-19xx và Hoàng Phương Nh, sinh ngày 11-01-20xx. Hai con chung là Th và A đều đã đủ 18 tuổi, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà đề nghị được trực tiếp nuôi con Nh và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Bà và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Hoàng Văn H trình bày: Ông đồng ý với bà T về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng ông bà hòa thuận, hạnh phúc được 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống; ngoài ra do ông hay uống rượu say nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm và không tôn trọng lẫn nhau. Từ tháng 06-2018 đến nay, ông và bà T sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Nay bà T xin ly hôn, ông không đồng ý vì xác định tình cảm ông dành cho bà vẫn còn và nghĩ đến các con. Ông mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung như bà T trình bày là đúng. Hai con Th và Anh đều đã đủ 18 tuổi, tự lao động nuôi sống bản thân nên không cần phải nuôi dưỡng. Nếu phải ly hôn, ông đồng ý để bà T trực tiếp nuôi con Nh; việc cấp dưỡng nuôi con ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thu thập chứng cứ đối với gia đình, chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H, thể hiện: Do ông bà có mâu thuẫn nên từ năm 2018 đến nay đã sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nguyên nhân do ông bà không hiểu nhau, khác nhau về quan điểm, lối sống; mặt khác do ông H nghiện rượu, thường xuyên uống rượu say về chửi bới, xúc phạm vợ con. Mâu thuẫn giữa ông bà đã thực sự trầm trọng, khó có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng và đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của bà T theo quy định pháp luật. Gia đình và chính quyền địa phương đều xác nhận ông bà có 03 con chung.

Tại phiên tòa, bà T khai đã nhiều lần cho ông H cơ hội, có lần gia đình đã đưa ông H đi cai nghiện cả tháng trời nhưng không có kết quả, ông H vẫn nghiện rượu, thường xuyên say và chửi bới vợ, con. Bà giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H vì tình cảm bà dành cho ông đã hết, sống chung chỉ làm khổ nhau. Hai con chung Th và A đều đã đủ 18 tuổi, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; đề

nghị giao con Nh cho bà trực tiếp nuôi và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Ông H thừa nhận bản thân nghiện rượu, có vài lần uống say về không làm chủ được bản thân có chửi bới, xúc phạm vợ con; ông thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn kéo dài, sống ly thân đã lâu nhưng ông vẫn muốn bà T cho ông cơ hội để cai rượu, sửa chữa sai lầm; ông mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung; trường hợp bà T kiên quyết ly hôn, ông tôn trọng quyết định của bà. Hai con chung Th và A đề đã đủ 18 tuổi, đề nghị giao con Nh cho bà T trực tiếp nuôi; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản và nợ chung ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân, mâu thuẫn tình cảm giữa bà T và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T được ly hôn ông H. Hai con chung Th và A đề đã đủ 18 tuổi, nên không đặt vấn đề giải quyết; giao con Nh cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Không xem xét, giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung.

Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Hoàn Văn H tại Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng. Bị đơn là ông H cư trú tại xã Đ, huyện Tiên Lãng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là về việc

ly hôn, tranh chấp về nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Về hôn nhân:

[2] Bà T và ông H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng ngày 08 tháng 7 năm 19xx8 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Lời khai của bà T, ông H tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã làm rõ: Do vợ chồng mâu thuẫn nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, xúc phạm lẫn nhau; từ tháng 06-2018 đến nay, ông bà đã sống ly thân, không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Nguyên nhân mâu thuẫn, bà T trình bày do ông H nghiện rượu, thường xuyên uống say, chửi bới, xúc phạm bà và các con; ông H trình bày do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và thừa nhận ông có vài lần uống rượu say về không làm chủ được bản thân nên có chửi bới, xúc phạm vợ con.

[4] Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bà T, ông H vẫn không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng; những bất đồng vẫn không được thu hẹp. Tại phiên tòa, bà T thừa nhận quan hệ hôn nhân trên thực tế giữa bà và ông H đã không còn tồn tại, tình cảm bà dành cho anh đã hết, bà vẫn kiên quyết ly hôn; ông H thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông hay uống rượu, không tôn trọng, chửi bới và thường xuyên xúc phạm vợ con nhưng vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ vì ông vẫn còn tình cảm với bà, trường hợp bà T kiên quyết ly hôn thì ông tôn trọng quyết định của bà và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

[5] Bà T và ông H đã không còn yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình; không chung sống với nhau; không tôn trọng và giữ gìn danh dự cho nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà T và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ theo khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[6] Về con chung: Ông bà có 03 con chung là Hoàng Thị Th, sinh ngày 09-9-19xx8; Hoàng Thị Huệ A, sinh ngày 13-6-19xx và Hoàng Phương Nh, sinh ngày 11-01-20xx. Hai con chung là Th và A đều đã đủ 18 tuổi, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông bà thống nhất đề nghị giao con Nh cho bà T trực tiếp nuôi và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử, xét: Việc nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chung hai bên cha mẹ đều có tình cảm, quyền và trách nhiệm như nhau; để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý, sự phát triển về mọi mặt của con, nguyện vọng của con cũng như thỏa thuận về việc nuôi con khi ly hôn giữa ông bà nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và

gia đình giao con Nh cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hai bên đương sự tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[7] Về tài sản và nợ chung: Bà T và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bà T và ông H có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Hoàng Văn H.

2. Về con chung:

2.1. Giao con Hoàng Phương Nh, sinh ngày 11-01-20xx cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung bà T và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hoặc cho đến khi bà T và ông H có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000119xx8 ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng; bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà T và ông H có quyền kháng cáo trong thời hạn

15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã Đ, huyện T;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Đình Bảng Phạm Văn Tiến

Nguyễn Thanh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khắc Quyết Trần Thế Sự

Nguyễn Thanh Tùng

